

Giáo dục là sự nghiệp lâu dài, có ảnh hưởng lớn đến nhiều thế hệ. Hồ Chủ tịch đã dạy: «Vi lợi ích mười năm, trồng cây; vì lợi ích trăm năm, trồng người».

Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề và các ngành, các cấp cần nhận thức rõ tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục và có kế hoạch triển khai tích cực nghị quyết này nhằm thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ V và nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, đưa công tác giáo dục nước ta tiến lên một bước mới.

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TÔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 79-HĐBT ngày 19-7-1983 về việc thành lập xã Sơn Nguyên và xã Sơn Giang thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Phú Khánh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18 tháng 12 năm 1980;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Thành lập xã Sơn Nguyên và xã Sơn Giang thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Phú Khánh.

a) Xã Sơn Nguyên được thành lập trên cơ sở tách xóm Hòa Nguyên của thôn Xuân Sơn thuộc xã Sơn Xuân và xóm Phường Bà Tám của thôn Ngân Điền thuộc xã Sơn Hà.

Địa giới của xã Sơn Nguyên ở phía bắc giáp xã Sơn Định, phía nam giáp xã Sơn Hà, phía đông giáp xã Sơn Xuân, phía tây giáp xã Sơn Phước.

b) Xã Sơn Giang được thành lập trên cơ sở tách thôn Nhiều Giang của xã Sơn Hà.

Địa giới của xã Sơn Giang ở phía bắc giáp xã Sơn Hà, phía nam giáp xã Sông Hinh, phía đông giáp xã Sơn Thành của huyện Tuy Hòa, phía tây giáp xã Đức Bình.

Điều 2. — Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 1983

Thừa ủy quyền của Hội đồng bộ trưởng

Bộ trưởng Tổng thư ký

NGUYỄN HỮU THỤ

NGHỊ ĐỊNH số 80-HĐBT ngày 19-7-1983 về việc ban hành Điều lệ cung ứng và sử dụng điện.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981;

09663200

Xét đề nghị của bộ trưởng Bộ Điện lực về tăng cường quản lý việc cung ứng và sử dụng điện,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ cung ứng và sử dụng điện.

Điều 2. — Các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành bản Điều lệ này.

Điều 3. — Nghị định này thi hành từ ngày ký.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

ĐIỀU LỆ

cung ứng và sử dụng điện

(ban hành kèm theo nghị định số 80-HĐBT ngày 19-7-1983 của Hội đồng bộ trưởng).

MỞ ĐẦU

Điện năng là dạng năng lượng rất quý, một loại vật tư kỹ thuật có tính chất chiến

lược dùng làm động lực trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, có vị trí quan trọng trong việc tăng cường quốc phòng, củng cố an ninh và nâng cao đời sống của nhân dân.

Đặc điểm của điện năng là sản xuất và sử dụng xảy ra đồng thời, nên hai khâu đó có quan hệ mật thiết với nhau và có ảnh hưởng trực tiếp lẫn nhau.

Ở nước ta, điện năng là vật sản xã hội chủ nghĩa, mọi ngành, mọi người phải có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng điện với hiệu quả kinh tế cao nhất.

Việc sản xuất, phân phối và sử dụng điện phải theo kế hoạch Nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Bản điều lệ cung ứng và sử dụng điện là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ giữa bên cung ứng điện và bên sử dụng điện nhằm bảo đảm cho việc cung ứng và sử dụng điện được hợp pháp, hợp lý, an toàn và tiết kiệm.

Điều 2. — Bên cung ứng điện bao gồm Công ty điện lực, Sở điện lực, nhà máy điện kiêm nhiệm vụ Sở điện lực... thuộc Bộ Điện lực.

Bên sử dụng điện bao gồm các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế tập thể và hộ tư nhân... dùng điện thuộc Bộ Điện lực quản lý.

Điều 3. — Bản điều lệ này áp dụng trong phạm vi cả nước, kể cả cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế, người nước ngoài

làm việc hoặc sinh sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II

ĐIỀU KIỆN CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG ĐIỆN

A. Thủ tục cung ứng và sử dụng điện.

Điều 4. — Việc cung ứng và sử dụng điện chỉ được tiến hành sau khi:

1. Bên sử dụng điện có đơn đề nghị cấp điện và được bên cung ứng điện chấp thuận.

2. Bên sử dụng điện và bên cung ứng điện đã ký hợp đồng cung ứng và sử dụng điện.

(Bản mẫu đơn và hợp đồng do Bộ Điện lực quy định).

Điều 5. — Thời hạn làm thủ tục cung ứng và sử dụng điện quy định như sau:

1. Bên sử dụng điện đề nghị cấp điện cần xây dựng đường dây, trạm biến áp mới hoặc cần cải tạo lưới điện, thì do thủ trưởng ngành chủ quản ở trung ương hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương xét, tổng hợp gửi cho Bộ Điện lực vào tháng 7 hàng năm. Chậm nhất là 60 ngày sau khi nhận được hồ sơ, Bộ Điện lực phải có văn bản trả lời.

2. Bên sử dụng điện đề nghị cấp điện với công suất từ 20KW trở lên mà không cần xây dựng đường dây, trạm biến áp mới hoặc không cần cải tạo lưới điện, thì gửi đơn đến Công ty điện lực vào tháng

đầu hàng quý. Chậm nhất là 30 ngày sau khi nhận được đơn, Công ty điện lực phải có văn bản trả lời.

3. Bên sử dụng điện đề nghị cấp điện dưới 20KW, thì gửi đơn đến Sở điện lực vào bất kỳ thời gian nào. Chậm nhất là 30 ngày sau khi nhận được đơn, Sở điện lực phải có văn bản trả lời.

4. Việc cung ứng và sử dụng điện ở các trạm bơm thủy nông chỉ được tiến hành theo thời vụ.

Điều 6. — Bộ Điện lực chịu trách nhiệm thiết kế công trình cung ứng điện nối vào lưới điện, nếu công trình cung ứng điện nối vào lưới điện do cơ quan ngoài Bộ Điện lực thiết kế, chỉ được phép thi công sau khi bản thiết kế đó đã được Bộ Điện lực hoặc cơ quan được Bộ Điện lực ủy nhiệm duyệt. Chậm nhất là 90 ngày sau khi nhận được hồ sơ thiết kế, cơ quan duyệt thiết kế phải có văn bản trả lời.

Điều 7. — Công trình cung ứng điện xây dựng mới hoặc cải tạo chỉ được đóng điện sau khi:

1. Được bên cung ứng điện nghiệm thu theo quy phạm kỹ thuật đã ban hành.

2. Lắp đủ đồng hồ đếm điện năng theo đúng thiết kế.

3. Có đủ phương tiện quản lý và nhân viên vận hành được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Ký hợp đồng cung ứng và sử dụng điện.

B. Điều kiện kỹ thuật cơ bản trong việc cung ứng và sử dụng điện.

Điều 8. — Chất lượng điện quy định như sau:

1. Độ lệch tần số cho phép là $\pm 0,5\text{hz}$ so với tần số quy định.

2. Độ lệch điện áp cho phép là $\pm 5\%$ so với điện áp danh định tại điểm đặt đồng hồ đếm điện để thanh toán tiền điện, khi bên sử dụng điện đạt hệ số công suất từ 0,9 trở lên và thực hiện đúng biểu đồ phụ tải đã đăng ký.

Trường hợp lưới điện chưa hoàn chỉnh, độ lệch điện áp cho phép $+ 5\% - 10\%$
(+ 5)
(- 10)

Điều 9. — Hệ số công suất chung cho các hộ sử dụng điện sản xuất là 0,9. Nếu cao hơn 0,9 thì được thưởng, thấp dưới 0,85 thì bị phạt. Bộ Điện lực, Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quy định cụ thể mức độ thưởng phạt này.

Điều 10. — Bên cung ứng điện và bên sử dụng điện căn cứ vào tình hình thực tế mà ghi cụ thể tần số, điện áp, hệ số công suất vào hợp đồng cung ứng và sử dụng điện; hàng năm phải thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng điện đạt đến tiêu chuẩn quy định.

Điều 11. — Hộ sử dụng điện được chia thành 3 loại I, II, III tùy theo tính chất an toàn kỹ thuật và được xếp theo thứ tự ưu tiên dùng điện, tùy theo yêu cầu về kinh tế, chính trị, an ninh. Bộ Điện lực cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và Bộ chủ quản quy định tiêu chuẩn cho từng loại hộ. Hộ trọng điểm do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định. Bên sử dụng điện là hộ xây dựng mới phải được xếp loại trước khi thiết kế công trình cung ứng điện cho mình.

C. Đếm điện năng.

Điều 12. — Tất cả các hộ dùng điện phải đặt đồng hồ đếm điện năng để làm cơ sở cho việc kiểm tra và thanh toán tiền điện. Hộ dùng điện có máy biến áp từ 100KVA trở lên hoặc sử dụng công suất từ 80KW trở lên, phải đặt hai loại đồng hồ đếm điện chính: đồng hồ đếm điện năng tác dụng (Wh) và đồng hồ đếm điện năng phản kháng (VARh).

Điều 13. — Trách nhiệm và quyền hạn của các bên đối với đồng hồ đếm điện năng quy định như sau:

1. Bên cung ứng điện:

a) Quản lý, sửa chữa và hiệu chỉnh đồng hồ đếm điện chính.

b) Bảo đảm đồng hồ đếm điện chạy chính xác theo cấp chính xác của đồng hồ.

c) Ghi chỉ số điện năng theo đúng thời gian quy định vào phiếu ghi điện của bên sử dụng điện treo tại nơi đặt đồng hồ đếm điện.

2. Bên sử dụng điện:

a) Bảo vệ phiếu ghi điện, đồng hồ đếm điện, hệ thống cấp chi, sơ đồ đấu dây của đồng hồ đếm điện.

b) Có quyền yêu cầu bên cung ứng điện kiểm tra, nếu thấy đồng hồ đếm điện hỏng hoặc chạy không chính xác. Chậm nhất là 15 ngày sau khi nhận được yêu cầu, bên cung ứng điện phải kiểm tra và sửa chữa xong.

c) Phải bồi thường cho bên cung ứng điện nếu làm hỏng đồng hồ đếm điện chính và phải chịu phạt như quy định ở điều 33 của Điều lệ này.

Điều 14. — Bên sử dụng điện có quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý đo lường

Nhà nước và đề nghị cơ quan đó kiểm tra lại, nếu có nghi vấn về kết quả kiểm tra đồng hồ đếm điện của bên cung ứng điện. Trong trường hợp đó:

a) Nếu đồng hồ đếm điện chạy đúng thì bên sử dụng điện phải trả mọi phí tổn về việc kiểm tra ấy.

b) Nếu đồng hồ đếm điện chạy chậm thì bên cung ứng điện phải hiệu chỉnh lại và được quyền thu thêm tiền điện đã thu hụt trong tháng trước đó.

c) Nếu đồng hồ đếm điện chạy nhanh thì bên cung ứng điện phải hiệu chỉnh lại và hoàn lại số tiền đã thu quá trong tháng trước đó.

Phí tổn cho việc kiểm tra trong các trường hợp b, c nói trên do bên cung ứng điện chịu.

Điều 15. — Lượng điện năng sử dụng trong thời gian đồng hồ đếm điện hỏng không phải do cố ý được tính theo lượng điện đã dùng trong tháng trước đó để làm cơ sở thanh toán tiền điện. Thời gian đồng hồ đếm điện hỏng hoặc không chính xác (chạy nhanh hoặc chậm) tính từ lúc phát hiện với bên cung cấp điện đến khi sửa chữa hoặc hiệu chỉnh xong.

D. Thanh toán tiền điện.

Điều 16. — Biểu giá điện năng do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 17. — Bên sử dụng điện có tài khoản ở ngân hàng thì phải thanh toán tiền điện qua ngân hàng, theo phương thức nhờ thu không cần chấp nhận.

Nếu bên sử dụng điện không có tài khoản ở ngân hàng thì trả tiền mặt trực tiếp cho bên cung ứng điện.

Điều 18. — Chế độ thu tiền điện phục vụ thủy nông do Bộ Điện lực, Bộ Tài chính và Bộ Thủy lợi cùng quy định.

Đ. Giám sát việc cung ứng và sử dụng điện.

Điều 19. — Việc giám sát cung ứng và sử dụng điện do Ban giám sát điện năng đảm nhiệm — Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của ban này do Hội đồng bộ trưởng quy định — Bên cung ứng điện và bên sử dụng điện có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan giám sát điện năng làm tròn nhiệm vụ giám sát việc cung ứng và sử dụng điện.

Chương III

RANH GIỚI QUẢN LÝ ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP

Điều 20. — Bộ Điện lực có trách nhiệm quản lý thống nhất lưới điện quốc gia. Ranh giới lưới điện quốc gia là mạng lưới từ nguồn phát điện đến nơi đặt đồng hồ đếm điện để thanh toán tiền điện với bên sử dụng điện.

Điều 21. — Bên sử dụng điện đầu tư xây dựng đường dây dẫn điện hoặc trạm biến áp chuyên dùng thì công trình đó là tài sản của bên sử dụng điện. Bên cung ứng điện chịu trách nhiệm nhận thầu quản lý và sửa chữa đường dây dẫn điện và trạm biến áp chuyên dùng ấy theo hợp đồng ký kết giữa hai bên.

Điều 22. — Bên cung ứng điện được quyền sử dụng đường dây dẫn điện hoặc trạm biến áp chuyên dùng của bên sử dụng điện để cấp điện thêm cho hộ sử dụng điện

khác, nhưng phải bảo đảm cung ứng đủ số lượng và chất lượng điện năng cho bên sử dụng điện có đường dây chuyên dùng ấy và phải nhận đường dây dẫn điện hoặc trạm biến áp đó làm tài sản của mình.

Điều 23. — Ủy ban nhân dân địa phương chịu mọi phí tổn để xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng đường dây dẫn điện hạ áp dùng cho sinh hoạt công cộng ở thành phố. Bên cung ứng điện nhận thầu quản lý công trình này theo hợp đồng ký kết giữa hai bên.

Điều 24. — Bên sử dụng điện chịu mọi phí tổn để xây dựng nhánh đường dây hạ áp dùng để đưa điện vào cơ quan, xí nghiệp hoặc nhà ở của nhân dân. Bên cung ứng điện chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa và cải tạo nhánh đường dây đó cho đến đồng hồ đếm điện chính.

Điều 25. — Bên sử dụng điện có trách nhiệm trông nom, bảo vệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên cung ứng điện làm tốt nhiệm vụ quản lý đường dây dẫn điện, trạm biến áp thuộc bên cung ứng điện quản lý, đặt trong địa phận của mình.

Điều 26. — Bộ Điện lực được quyết định việc nối vào hoặc tách ra khỏi lưới điện quốc gia các nguồn phát điện của các ngành và các địa phương. Các nguồn phát điện này khi nối vào lưới điện thì phải theo chế độ vận hành và sửa chữa do Bộ Điện lực quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN BÊN CUNG ỨNG ĐIỆN

§

Điều 27. — Bên cung ứng điện có trách nhiệm:

1. Cung ứng công suất và điện năng cho bên sử dụng điện theo đúng kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền duyệt và đúng hợp đồng cung ứng và sử dụng điện đã ký kết.

2. Khi cần cắt điện để sửa chữa lưới điện theo kế hoạch phải báo cho bên sử dụng điện biết trước mười ngày. Năm ngày sau khi nhận được thông báo, bên sử dụng điện không trả lời thì bên cung ứng điện có quyền quyết định ngay giờ cắt điện để tiến hành sửa chữa.

Trường hợp lưới điện bị sự cố lớn đột ngột, bên cung ứng điện có quyền cắt điện và phải nhanh chóng sửa chữa đồng thời thông báo ngay cho bên sử dụng điện biết lý do.

3. Cử ngay lập tức người đi xử lý khi bên sử dụng điện báo cho biết là bị mất điện.

4. Bồi thường thiệt hại cho bên sử dụng điện sản xuất trong các trường hợp sau:

a) Công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện không bảo đảm như đã thỏa thuận giữa hai bên. Tiền bồi thường bằng 5 lần tiền điện năng cung cấp thiếu.

b) Điện áp vượt ra ngoài giới hạn đã ghi trong hợp đồng và đã gây thiệt hại cho sản xuất của bên sử dụng điện. Tiền bồi thường bằng 20% tiền điện năng sử dụng trong các giờ điện áp vượt ra ngoài quy định.

5. Không phải bồi thường cho bên sử dụng điện sản xuất trong các trường hợp sau:

a) Sự cố lưới điện do thiên tai, địch họa.
b) Cắt điện theo kế hoạch sửa chữa đã được thông báo trước.

Điều 28. — Bên cung ứng điện được quyền cắt có thời hạn hoặc không thời

hạn, một phần hoặc toàn bộ điện năng của bên sử dụng điện trong các trường hợp sau :

1. Dùng điện không có kế hoạch và không ký hợp đồng với bên cung ứng điện.
2. Tự động nối vào lưới khi chưa làm đủ thủ tục đã quy định, không qua đồng hồ đếm điện hoặc cố ý thay đổi sơ đồ đấu dây của đồng hồ đếm điện.
3. Thiết bị điện của bên sử dụng điện không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành an toàn.
4. Không có người quản lý công trình điện.
5. Sử dụng quá lượng điện năng và công suất được cấp theo kế hoạch và không thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng.
6. Chậm trả tiền điện sau 3 lần đòi.
7. Gây trở ngại cho công việc kiểm tra của Ban giám sát điện năng và của bên cung ứng điện.

Việc cắt điện của các hộ trọng điểm, cơ quan nước ngoài phải do bộ trưởng Bộ Điện lực quyết định.

Điều 29. — Bên cung ứng điện phải chịu kỷ luật hành chính về việc thiếu trách nhiệm hoặc phạm những hành động tiêu cực trong công tác cung ứng và sử dụng điện. Trường hợp nghiêm trọng, sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN BÊN SỬ DỤNG ĐIỆN

Điều 30. — Bên sử dụng điện có trách nhiệm :

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ sử dụng điện đã ban hành và hợp đồng đã ký kết.
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao hệ số công suất (Cosφ) đến mức quy định.
3. Đăng ký định mức tiêu hao điện năng trên đơn vị sản phẩm, mục tiêu sử dụng điện và thực hiện những điều đã đăng ký.
4. Sử dụng điện an toàn, hợp lý, tiết kiệm theo đúng biểu đồ phụ tải đã đăng ký.
5. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng và bên cung ứng điện kiểm tra việc dùng điện của mình và thực hiện kiến nghị của cơ quan chức năng.

Điều 31. — Bên sử dụng điện không được :

1. Sử dụng điện không qua đồng hồ đếm điện.
2. Bán lại điện hoặc nhượng hợp đồng cung ứng và sử dụng điện.
3. Sử dụng điện vào những việc trái với quy định sử dụng điện của Nhà nước đã ban hành.
4. Dùng các dụng cụ sinh hoạt hoặc thiết bị sản xuất tiêu thụ nhiều điện trong giờ cao điểm mà không được bên cung cấp điện chấp thuận trong hợp đồng đã ký kết.
5. Sửa chữa lưới điện do ngành điện quản lý.

Điều 32. — Bên sử dụng điện cơ quyền :

1. Yêu cầu bên cung ứng điện cấp đủ điện năng theo kế hoạch, đủ công suất theo biểu đồ phụ tải đã đăng ký, đúng chất lượng điện như đã ghi trong hợp đồng.
2. Yêu cầu bên cung ứng điện tổ chức xử lý ngay khi bị mất điện.
3. Khiếu nại lên cấp trên của bên cung ứng điện, lên Ban giám sát điện năng hoặc

09663200

lên cơ quan Trọng tài kinh tế Nhà nước về việc cung ứng điện không đúng kế hoạch và không đúng hợp đồng.

4. Đòi bồi thường thiệt hại theo quy định của bản Điều lệ này.

Điều 33. — Bên sử dụng điện phải bồi thường cho bên cung ứng điện trong các trường hợp sau đây :

1. Sử dụng điện năng quá mức quy định, không đúng biểu đồ phụ tải kê cả việc dùng thấp hơn công suất đã đăng ký vào giờ thấp điểm. Điện năng dùng quá phải trả tiền gấp 5 lần giá điện bình thường. Công suất dùng quá trong giờ cao điểm, phải trả tiền điện năng đã dùng quá đó gấp 10 lần giá điện bình thường. Sử dụng quá điện năng và công suất đã quy định liên tục trong 3 tháng, thì bị xử lý như điều 28 của bản Điều lệ này.

2. Sử dụng không hết điện năng và công suất đã thỏa thuận theo kế hoạch mà không báo cho bên cung ứng điện biết trước để điều chỉnh thì phải bồi thường số tiền bằng 20% tiền điện năng dùng không hết.

3. Cố tình làm hư hỏng đồng hồ đếm điện (kể cả phá cắp chỉ...) hoặc thay đổi sơ đồ đấu dây đồng hồ đếm điện, số tiền bồi thường bằng tiền điện năng tiêu thụ từ lần thay thế đồng hồ đếm điện kỳ trước hoặc từ lần kiểm tra sơ đồ đấu dây kỳ trước ~~đến~~ khi bị phát hiện, nhưng không quá một năm. Cách tính toán điện năng để bồi thường quy định như sau :

a) Đối với cơ quan, xí nghiệp Nhà nước và tổ chức tập thể tính theo công suất sử dụng thực tế tối đa hoặc công suất đặt của các thiết bị điện, với số giờ làm việc các ca trong ngày đêm.

b) Đối với hộ tư nhân dùng điện sinh hoạt, tính theo công suất bóng đèn với số

giờ sử dụng hàng ngày. Nếu hộ đó có ổ cắm điện tính theo công suất sử dụng 600W trong 8 giờ một ngày đêm. Nếu phát hiện thấy có các dụng cụ điện công suất lớn hơn 600W, tính theo công suất thực tế của dụng cụ đó trong 8 giờ một ngày đêm.

4. Gây sự cố cho lưới điện của bên cung ứng điện thì phải bồi thường số tiền bằng phí tổn sửa chữa khôi phục lưới điện cộng với khoản tiền mà bên cung ứng điện phải bồi thường cho các bên sử dụng điện khác do sự cố đó gây ra.

4. Chậm trả tiền điện sau lần đòi thứ hai thì phải trả thêm khoản lãi suất của số tiền chậm trả theo quy định của ngân hàng. Sau lần đòi thứ ba mà vẫn chưa trả thì bị xử lý như điều 28 của bản Điều lệ này.

Điều 34. — Các trường hợp vi phạm nghiêm trọng những quy định trong bản Điều lệ này về sử dụng điện và bảo vệ thiết bị dẫn điện thì bị truy tố trước pháp luật.

Điều 35. — Bên sử dụng điện được bên cung ứng điện thưởng khi :

1. Phát hiện với bên cung ứng điện những trường hợp sử dụng điện không đúng quy định.

2. Sử dụng không hết lượng điện năng được phân phối mà vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất đã đăng ký. Tiền thưởng bằng 50% số tiền điện năng tiết kiệm được.

3. Nâng hệ số công suất cao hơn 0,9.

Điều 36. — Bên sử dụng điện là hộ sản xuất công nghiệp, ngoài việc phải thực hiện các điều đã nêu ở trên đối với bên sử dụng điện nói chung, còn phải thực hiện các quy định sau :

1. Sử dụng đúng lượng điện năng được phân bổ.
2. Thực hiện đúng biểu đồ phụ tải đã thỏa thuận.
3. Thực hiện đúng chế độ nghỉ luân phiên hàng tuần.
4. Thực hiện đúng chế độ ca kíp:
 - a) Các xí nghiệp làm việc 1 ca hoặc 2 ca không được sử dụng điện để sản xuất vào giờ cao điểm.
 - b) Các xí nghiệp làm việc 3 ca liên tục phải giảm công suất sử dụng trong giờ cao điểm theo biểu đồ phụ tải đã thống nhất với bên cung ứng điện.
5. Thực hiện chế độ huy động thiết bị bù để đạt hệ số công suất quy định.
6. Thông báo cho bên cung ứng điện biết trước 30 ngày khi cần tăng hoặc giảm công suất so với quy định.
7. Giảm tải ngay khi bên cung ứng điện yêu cầu để xử lý sự cố.
8. Đặt đồng hồ đếm điện riêng biệt ở khu vực sản xuất và khu vực sinh hoạt.
9. Không được để cho bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào lấy điện từ lưới điện của mình, nếu chưa được sự thỏa thuận của bên cung ứng điện.
10. Định kỳ thông báo cho bên cung ứng điện biết về biểu đồ phụ tải, chất lượng điện năng và tình hình cung ứng, sử dụng điện.

Điều 37. — Bên sử dụng điện là trạm bơm nước thủy nông, ngoài việc phải thực hiện các điều đã nêu ở trên đối với bên sử dụng điện nói chung, còn phải thực hiện các quy định sau:

1. Sử dụng công suất, điện năng, giờ chạy máy bơm, số máy bơm được chạy, theo kế hoạch phân phối điện phục vụ

thủy lợi và theo sự thống nhất giữa Bộ Thủy lợi, Bộ Điện lực và Bộ Nông nghiệp.

2. Chủ yếu vận hành vào giờ thấp điểm ban đêm, tránh giờ cao điểm. Tiền điện giờ thấp điểm đêm chỉ phải trả bằng 40% giá điện bình thường.

3. Không được để cho bất cứ ai lấy điện từ lưới điện của mình vào bất cứ lúc nào.

Điều 38. — Bên sử dụng điện là hộ dùng điện sinh hoạt, ngoài việc phải thực hiện các điều đã ghi ở trên đối với bên sử dụng điện nói chung, còn phải thực hiện những quy định do Bộ Điện lực ban hành.

Điều 39. — Mọi khoản tiền thưởng, phạt, bồi thường ghi trong bản Điều lệ này quy định như sau:

1. Số tiền bị phạt, tiền bồi thường phải trích từ quỹ phúc lợi để nộp.

2. Số tiền được thưởng được nộp vào quỹ phúc lợi, sau khi đã trừ khoản chi phí cần thiết theo đúng chế độ.

3. Số tiền được bồi thường phải nộp ngân sách Nhà nước, sau khi đã trừ mọi khoản chi phí cần thiết theo đúng chế độ.

Cấm hạch toán mọi khoản chi ghi ở điều này vào giá thành sản phẩm.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. — Bộ trưởng Bộ Điện lực có trách nhiệm hướng dẫn thi hành bản Điều lệ này.

Điều 41. — Bộ trưởng Bộ Điện lực, Bộ Tài chính, Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp, tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và

thủ trưởng các ngành có liên quan trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm ban hành những quy định cụ thể để thực hiện bản Điều lệ này.

Điều 42.— Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với điều lệ này.

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH số 133-CT ngày 9-5-1983 về phương hướng sản xuất và những chính sách, biện pháp khuyến khích sản xuất tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã ác định rõ vai trò và vị trí của tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân nước ta. Mấy năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, sản xuất tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp vẫn được duy trì và phát triển, hàng năm giải quyết được công ăn việc làm cho hàng vạn người, góp phần đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của xã hội. Tuy nhiên, sản xuất tiêu, thủ công nghiệp cũng còn nhiều mặt

yếu phải được khắc phục như tốc độ phát triển còn chậm, mặt hàng chưa phong phú, kỹ thuật chưa tinh xảo, chất lượng sản phẩm có chiều hướng ngày càng giảm sút, giá thành ngày càng cao. Để thúc đẩy sản xuất tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ, cần xác định rõ phương hướng phát triển sản xuất tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp, từ đó đề ra những chính sách phù hợp trong những năm tới.

A. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT

Phương hướng chung của sản xuất tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp là phải hết sức coi trọng việc phát triển sản xuất, nhưng phải dựa vào sự sắp xếp lại sản xuất của các ngành kinh tế kỹ thuật và chủ yếu dựa vào nguồn vật tư, nguyên liệu trong nước nhất là từ nông sản, lâm sản, hải sản, khai thác và tận dụng một cách có hiệu quả phế liệu, phế phẩm của sản xuất công nghiệp của các ngành sản xuất khác, của quốc phòng và phế thải trong nhân dân. Sản xuất tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp phải tập trung phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và các dịch vụ, góp phần đáp ứng những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành và chữa bệnh của nhân dân, phát triển mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, phát huy khả năng nghề truyền thống của từng địa phương. Đồng thời tiêu, thủ công nghiệp tham gia đáp ứng một phần nhu cầu về tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ thường phục vụ sản xuất nông nghiệp. Phải coi trọng việc tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa trong khu vực sản xuất tiêu, thủ công nghiệp, đưa quần chúng lao động tiêu, thủ công vào con đường làm ăn tập thể,

09663200